CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu

Ngày 31/12/2025	6,160 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.6%	**-7.4%**	**-6.4%**

DT thuần
Q4/25
1,333
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 649| 94.9%
YoY: ▲ 516| 63.2%

LN thuần
Q4/25
7.49
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.00| 36.3%
YoY: ▲ 8.73| 704%

LN sau thuế
Q4/25
5.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.28| 5.8%
YoY: ▲ 6.10| 559%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.3%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE
2025
1.8%
YoY: +/-▲ 1.0%

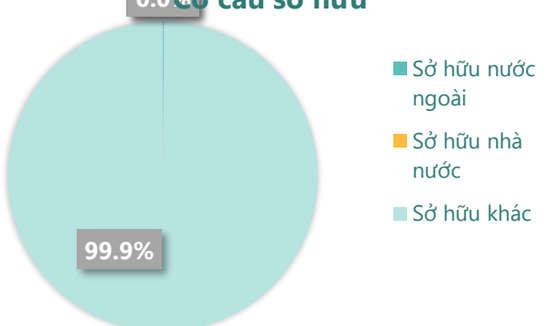
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 8,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	213
Số lượng CPLH (CP)	34,535,699
KLGD BQ 20 phiên (CP)	132,505
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.23
EPS	190
P/E	32.4

DT thuần
2025
3,004
tỷ VNĐ
YoY: ▼422| -12.3%

LN thuần
2025
9.76
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.67| 139%

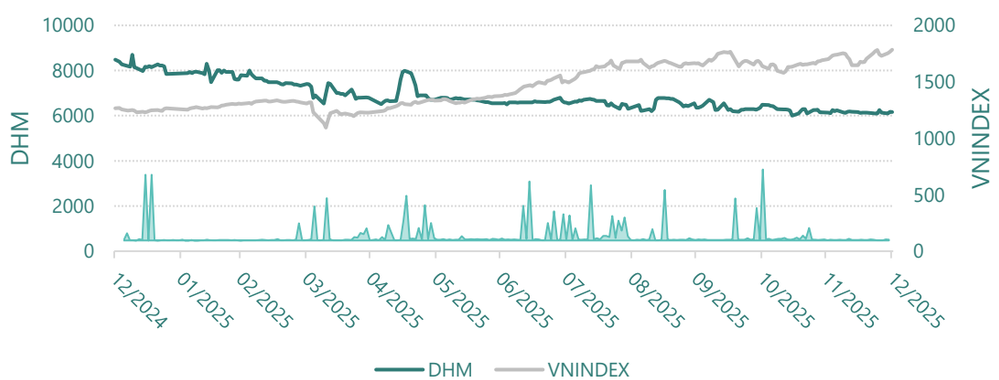
LN sau thuế
2025
6.56
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.78| 136%

Cơ cấu sở hữu

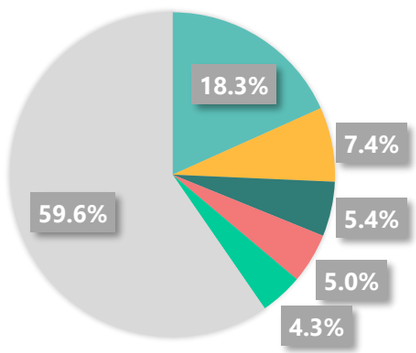


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



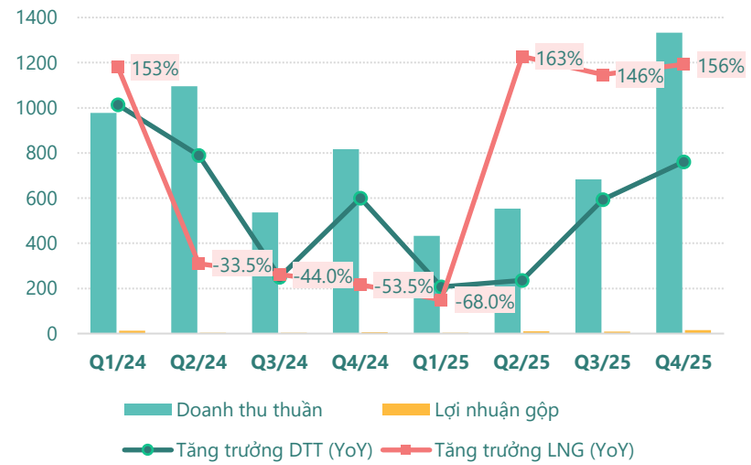
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

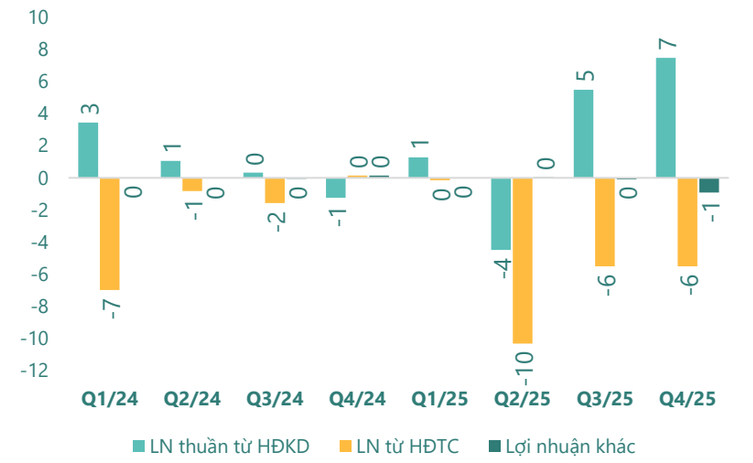
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



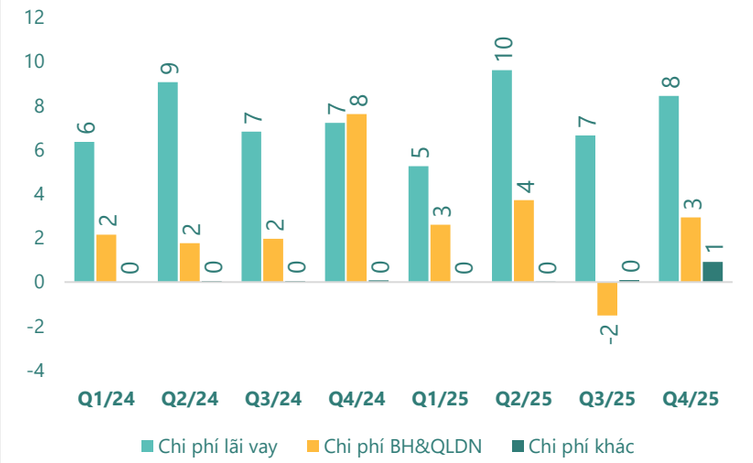
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



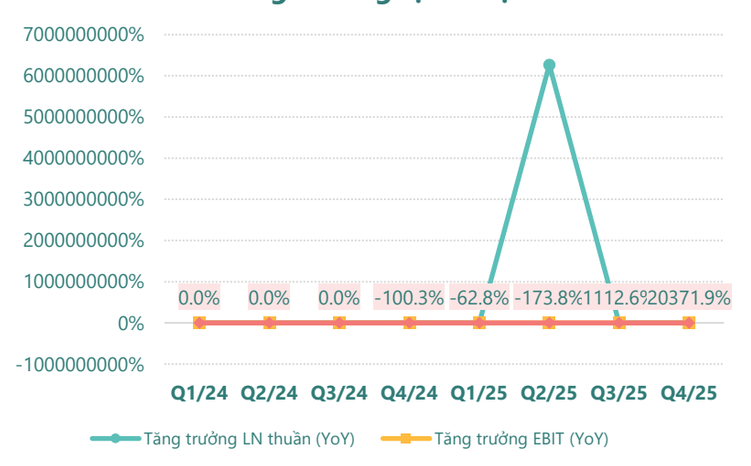
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



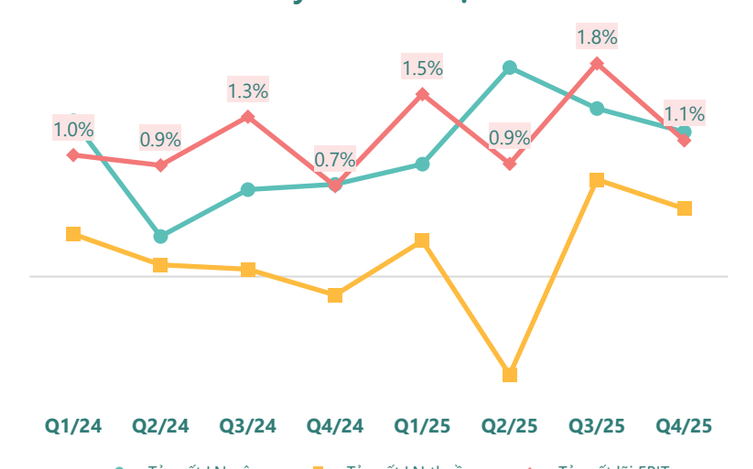
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



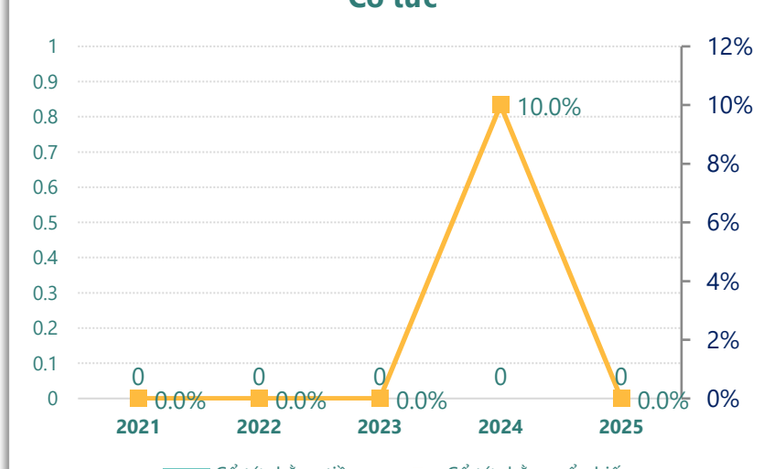
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

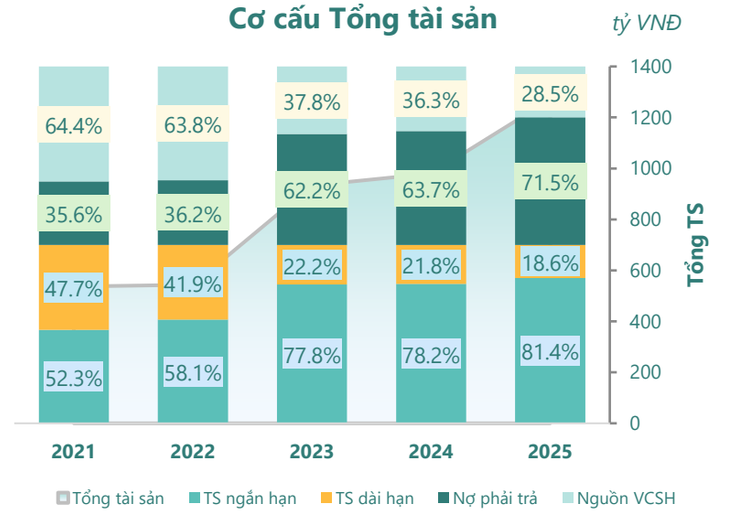
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

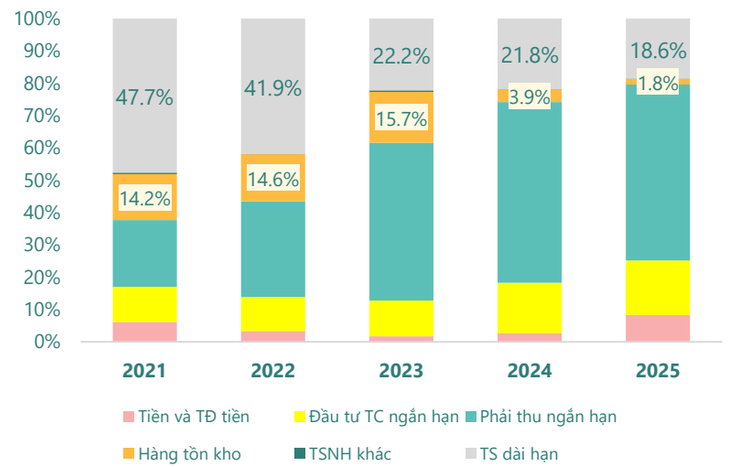
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



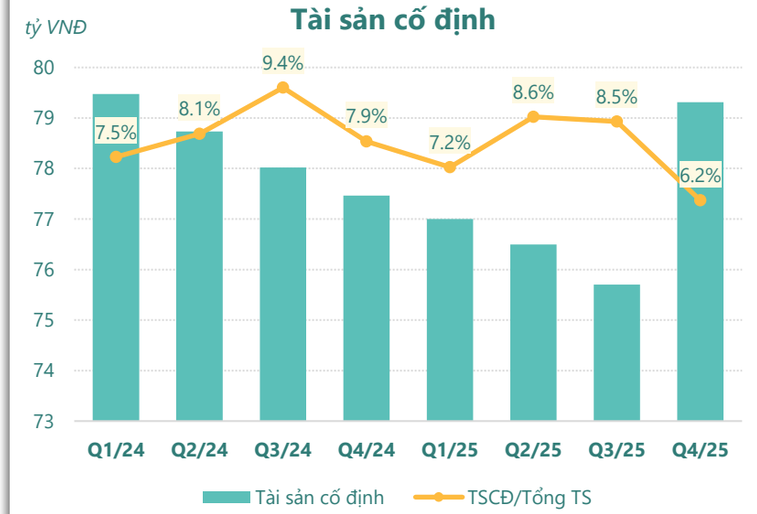
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



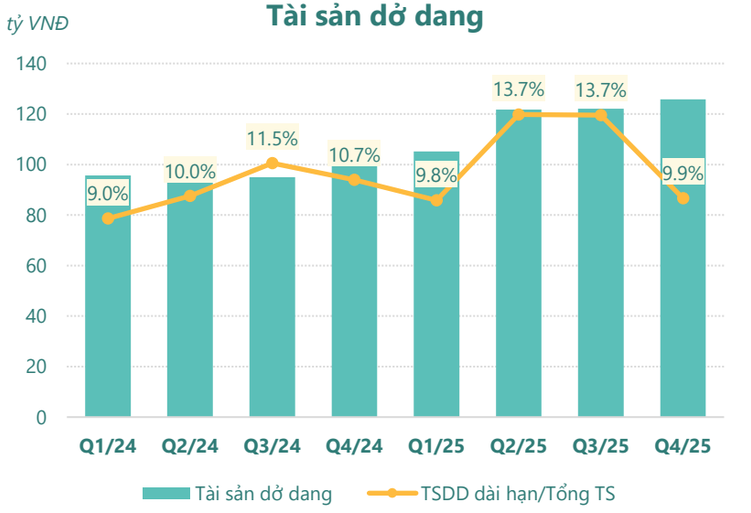
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



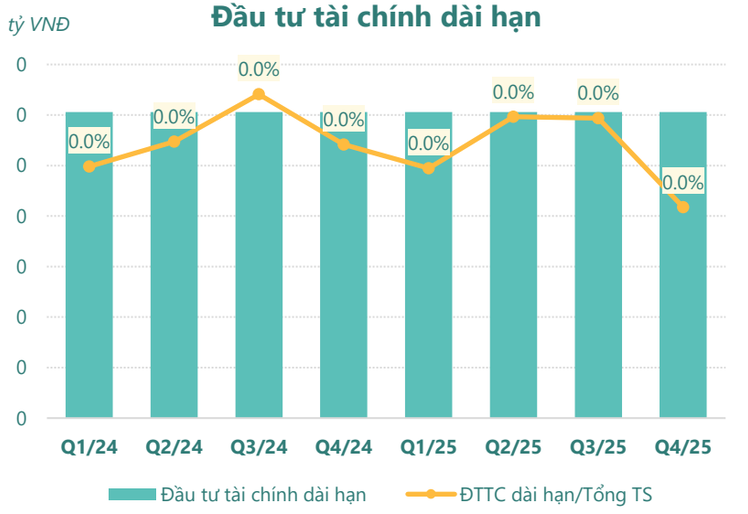
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



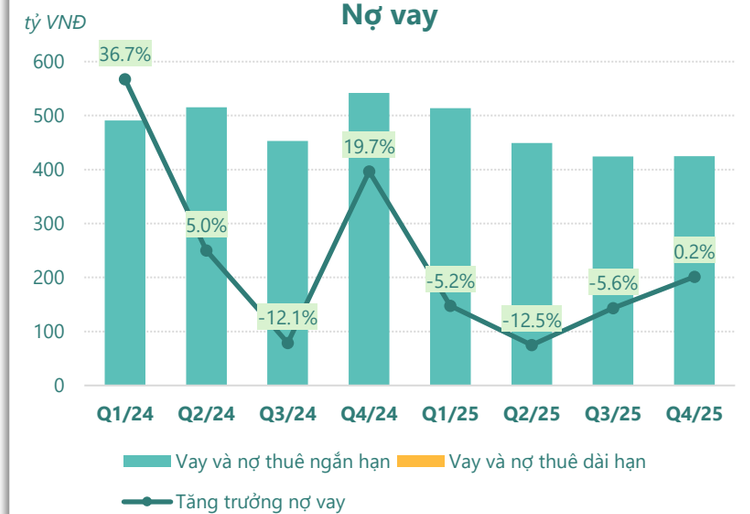
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

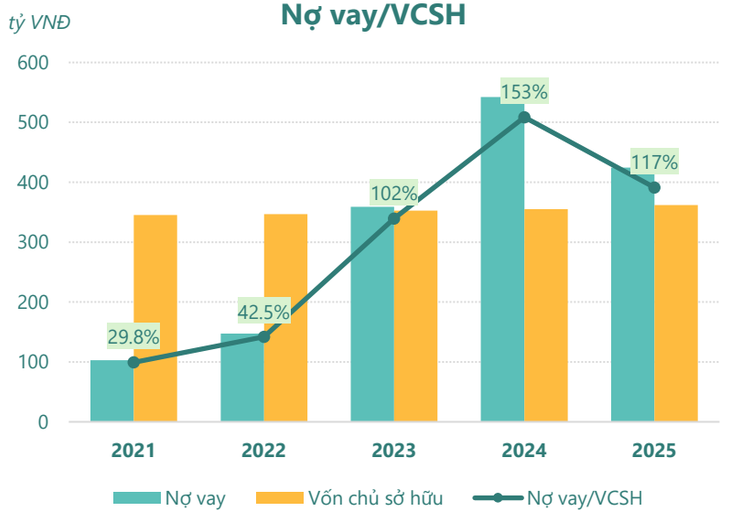
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

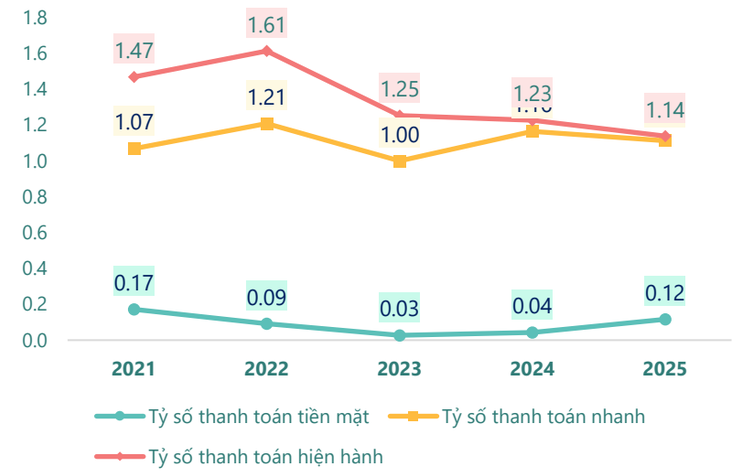
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



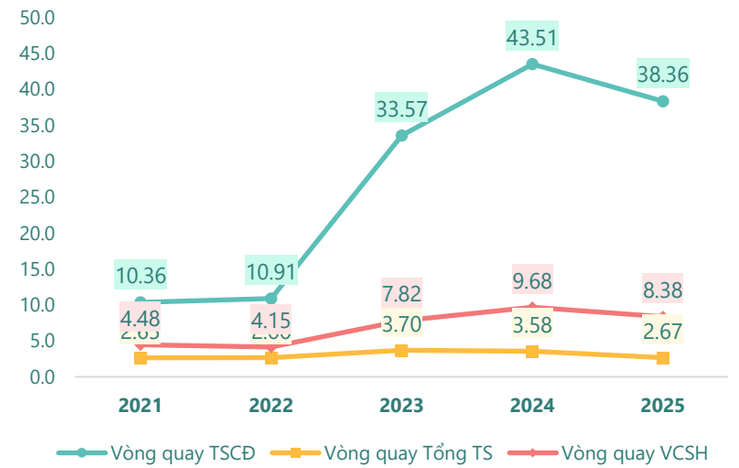
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



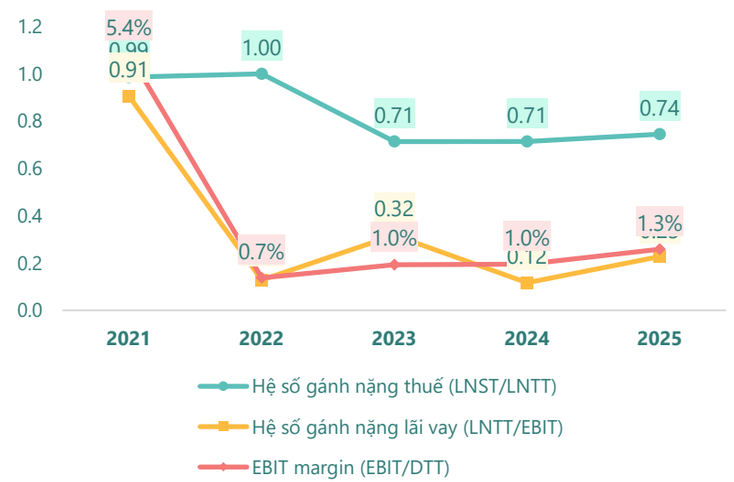
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



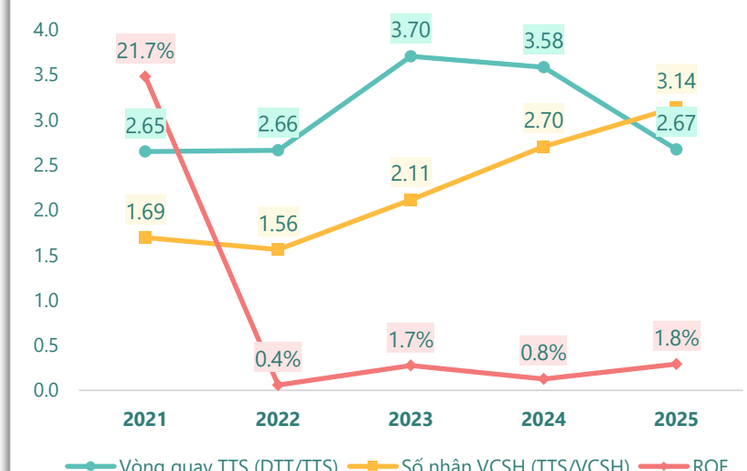
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



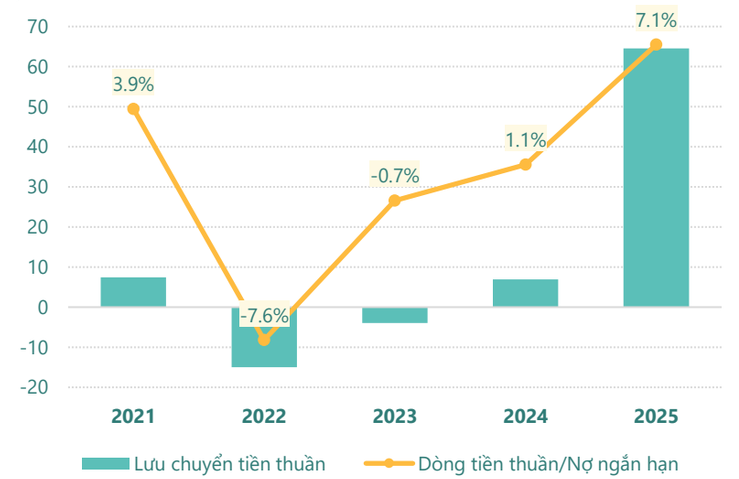
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,333**	**817**	**63.2%**	**3,004**	**3,426**	**-12.3%**
Giá vốn hàng bán	1,317	811	62.4%	2,965	3,400	-12.8%
Lợi nhuận gộp	15.9	6.23	156%	39.0	26.3	48.3%
Doanh thu HĐTC	20.5	7.50	174%	48.3	18.0	169%
Chi phí TC	26.0	7.35	254%	69.8	27.7	152%
Chi phí lãi vay	8.45	7.22	17.0%	30.0	29.5	1.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.41	0.54	-25.0%	1.95	1.65	18.7%
Chi phí QLDN	**2.53**	**7.08**	**-64.2%**	**5.79**	**10.9**	**-46.7%**
LN thuần từ HĐKD	7.49	-1.24	704%	9.76	4.09	139%
Lợi nhuận khác	**-0.91**	**0.14**	**-749%**	**-0.96**	**-0.21**	**-365%**
LN trước thuế	6.58	-1.10	698%	8.81	3.89	127%
Lợi nhuận sau thuế	**5.01**	**-1.09**	**559%**	**6.56**	**2.78**	**136%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.01**	**-1.09**	**559%**	**6.56**	**2.78**	**136%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	127	-26.9	32.4	56.5	29.1	79.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-61.1	-62.6	0.10	1.20	-9.73	-38.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-62.5	89.2	-36.8	-55.9	-25.4	32.1
Tiền đầu kỳ	20.7	21.3	26.8	25.9	31.3	30.2
Lưu chuyển tiền thuần	**3.21**	**-0.29**	**-4.24**	**1.75**	**-6.02**	**73.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.69	4.26	3.34	3.60	4.96	2.20
Tiền cuối kỳ	21.3	25.2	25.9	31.3	30.2	105

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,271**	**980**	**29.7%**
Tài sản ngắn hạn	1,035	766	35.0%
Tiền và tương đương tiền	105	26.8	293%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	215	153	40.5%
Phải thu ngắn hạn	691	547	26.3%
Hàng tồn kho	23.4	38.7	-39.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.99	-62.5%
Tài sản dài hạn	**236**	**214**	**10.4%**
Phải thu dài hạn	0	0.02	-100%
Tài sản cố định	79.3	77.3	2.6%
Bất động sản đầu tư	30.2	30.0	0.5%
Tài sản dở dang	126	105	19.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.68**	**1.18**	**-42.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	909	625	45.5%
Nợ ngắn hạn	**909**	**625**	**45.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	425	542	-21.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	427	10.2	4083%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**362**	**355**	**1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**362**	**355**	**1.8%**
Vốn điều lệ	345	314	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)